

Số: 274 /QĐ-KTTV

Hà Nội, ngày 24 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố, công khai quyết toán ngân sách năm 2024
(phần kinh phí sự nghiệp) của Tổng cục Khí tượng Thủy văn
(nay là Cục Khí tượng Thủy văn)**

CỤC TRƯỞNG CỤC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN

Căn cứ Quyết định số 35/QĐ-BNNMT ngày 01 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Khí tượng Thủy văn;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông báo số 254/TB-BNNMT ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc thông báo thẩm định quyết toán ngân sách năm 2024 của Tổng cục Khí tượng Thủy văn (nay là Cục Khí tượng Thủy văn);

Xét đề nghị của Trưởng phòng Phòng Kế hoạch - Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố, công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2024 (phần kinh phí sự nghiệp) của Tổng cục Khí tượng Thủy văn (nay là Cục Khí tượng Thủy văn) - theo Biểu 04 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Cục Khí tượng Thủy văn, Trưởng phòng Phòng Kế hoạch - Tài chính và Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Cục Khí tượng Thủy văn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Thứ trưởng Lê Công Thành (để báo cáo);
- Cục trưởng (để báo cáo);
- Vụ Kế hoạch - Tài chính;
- Văn phòng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc;
- Lưu: VT, KHTC. H.25.



Đơn vị: Tổng cục Khí tượng Thủy văn (nay là Cục Khí tượng Thủy văn)
Chương: 026

Biểu 04
(Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018)

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024
(Phụ lục kèm theo Quyết định số /QĐ-KTTV ngày tháng 6 năm 2025 của Cục trưởng Cục Khí tượng Thủy văn)

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc				
					Đài KTTV khu vực Miền núi phía Bắc	Đài KTTV khu vực Đồng bằng và Trung du Bắc Bộ	Đài KTTV khu vực Bắc Trung Bộ	Đài KTTV khu vực Trung Trung Bộ	Đài KTTV khu vực Nam Trung Bộ
1	2	3	4	5=4-3	6	7	8	9	10
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí								
I	Số thu phí, lệ phí	5.979.047.238	5.979.047.238	0	533.068.000	722.048.000	191.964.000	79.972.000	125.234.000
1	Lệ phí								
2	Phí	5.979.047.238	5.979.047.238	0	533.068.000	722.048.000	191.964.000	79.972.000	125.234.000
	Phí khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu KTTV	5.969.547.238	5.969.547.238		533.068.000	722.048.000	191.964.000	76.972.000	118.734.000
	Phí thi tuyển viên chức	9.500.000	9.500.000					3.000.000	6.500.000
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại	4.188.183.067	4.188.183.067	0	373.147.600	505.433.600	134.374.800	56.880.400	89.613.800
1	Các hoạt động kinh tế	4.188.183.067	4.188.183.067	0	373.147.600	505.433.600	134.374.800	56.880.400	89.613.800
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	4.178.683.067	4.178.683.067	0	373.147.600	505.433.600	134.374.800	53.880.400	83.113.800
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	9.500.000	9.500.000					3.000.000	6.500.000
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	1.790.864.171	1.790.864.171	0	159.920.400	216.614.400	57.589.200	23.091.600	35.620.200
1	Lệ phí	0	0						
2	Phí	1.790.864.171	1.790.864.171	0	159.920.400	216.614.400	57.589.200	23.091.600	35.620.200
	Phí khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu KTTV	1.790.864.171	1.790.864.171	0	159.920.400	216.614.400	57.589.200	23.091.600	35.620.200
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	573.155.847.990	573.155.847.990	0	79.181.333.600	92.845.610.945	42.104.949.147	43.672.999.821	34.508.967.430
I	Nguồn ngân sách trong nước	572.968.055.990	572.968.055.990	0	79.181.333.600	92.845.610.945	42.104.949.147	43.672.999.821	34.508.967.430
1	Chi quản lý hành chính	10.023.266.000	10.023.266.000	0	0	0	0	0	0
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	9.734.266.000	9.734.266.000	0					
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	289.000.000	289.000.000	0					
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	10.217.554.662	10.217.554.662	0	0	1.157.404.000	0	590.000.000	0
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	9.935.032.262	9.935.032.262	0	0	1.157.404.000	0	590.000.000	0
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia		0	0					

[illegible]

[illegible]